TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2023
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thủy.
Bà Trần Thị Lan Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2023 về việc:*"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28A/2023/QĐ-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, vụ án giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm: 1995; HKTT: Vô N, Ngọc L, thị xã Mỹ H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1994; HKTT: Vô N, Ngọc L, thị xã Mỹ H, tỉnh Hưng Yên. (Hiện đang ở Đài L).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 08/9/2017; Đại diện theo pháp luật của cháu N: Chị Phạm Thị V là mẹ đẻ của cháu N.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1972.

HKTT: Vô N, Ngọc L, thị xã Mỹ H, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Phạm Đức T, sinh năm: 1966.

HKTT: Tổ dân phố Dương H, Minh Đ, thị xã Mỹ H, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc L, thị xã Mỹ H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 30/11/2016. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà anh T. Vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm và lối sống, anh chị thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Ngoài ra còn vì lý do chị V là người đồng tính. Năm 2017 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài L và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian anh chị ly thân không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Nay chị V xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 08/9/2017. Hiện cháu đang ở với chị V, chị V có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc giáo dục cháu N cho đến khi 18 tuổi, về cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ nần, ruộng canh tác nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị V xác định anh chị không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Trọng T bố đẻ anh T trình bày:

Về điều kiện, hoàn cảnh, nơi đăng ký kết hôn như chị V trình bày. Hiện nay anh T đang ở Đài L không hợp pháp nên ông không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Thỉnh thoảng anh T có điện thoại về Việt Nam cho ông qua mạng xã hội. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và ông đã thông báo cho anh T, theo đó anh T có biết việc chị V làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh T như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác định thời gian điều kiện, hoàn cảnh, nơi đăng ký kết hôn và ly thân như chị V trình bày. Chị V xin ly hôn thì anh cũng nhất trí để chị V đi lấy chồng khác.

+ Về con chung như chị V đã trình bày, ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc muôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung không có.

Vì lý do anh không về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án được anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Ngoài ra anh có ủy quyền cho ông T nhận và giao các văn bản cho Tòa án. Ông T nhất trí với việc ủy quyền này. Ngoài ra ông T còn có quan điểm, việc ly hôn giữa chị V với anh T do anh chị quyết định, ông không có ý kiến gì.

Người làm chứng ông Phạm Đức T là bố chị Phạm Thị V trình bày:

Về điều kiện, thời gian, nơi đăng ký kết hôn như chị V trình bày, sau khi đăng ký kết hôn chị V về nhà anh T sống. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay chị V xác định tình cảm với anh T đã hết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị V. Về con chung như chị V đã trình bày, ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về phía gia đình ông tạo mọi điều kiện để mẹ con chị V có cuộc sống ổn định.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại công văn số 767/QLXNC-P5 ngày 05/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Trọng T cung cấp: Có trường hợp Nguyễn Trọng T, sinh ngày 19/12/1994 tại Hưng Yên; CMND số 145539588; khai họ khẩu thường trú tại: Thôn Vô N, Ngọc L, Mỹ H, Hưng Yên; đã sử dụng hộ chiếu số C3987770 để xuất cảnh ngày 30/10/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.Các đương sự, người làm chứng đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị V.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh T, hiện anh T đang ở Đài L, không có mặt tại Việt Nam, anh T và chị V đều có nơi đăng ký thường trú tại xã Ngọc L, thị xã Mỹ H, tỉnh Hưng Yên nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, và đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin ly, hôn anh T đồng ý. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã trở lên trầm trọng, mục đích Hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử cho chị V được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị V, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 08/9/2017. Hiện cháu N đang ở với chị V. Ly hôn cả chị V và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu N, tuy nhiên hiện nay anh T ở Đài L không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Trong khi đó, từ bé đến nay cháu N ở với chị V có cuộc sống ổn định . Do đó ly hôn, giao cháu N cho chị V trực tiếp chăm sóc giáo dục đến năm cháu N đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị V và anh T đều xác định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 08/9/2017 cho chị V trực tiếp chăm sóc giáo dục đến khi 18 tuổi. Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ nần, ruộng canh tác nông nghiệp và các vấn đề khác: Chị V, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0000231 ngày 17/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh T có quyền kháng cáo trong thời một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ngọc L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục thi hành án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Lưu Tòa, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng phía Bị đơn đã không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: